

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Giao biên chế công chức năm 2020; phê duyệt tổng biên chế sự nghiệp năm 2020; phê duyệt biên chế các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỶ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước của các cơ quan hành chính Nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức năm 2020; phê duyệt tổng biên chế sự nghiệp năm 2020; phê duyệt biên chế các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh năm 2020. Cụ thể như sau:

1. Đối với biên chế hành chính năm 2020: giao **1.674** biên chế công chức và **12** chỉ tiêu hợp đồng đối với các cơ quan hành chính, trong đó:

a) Cấp tỉnh: **1.093** biên chế và **12** hợp đồng;

b) Cấp huyện: **581** biên chế.

(Cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

2. Đối với biên chế Hội năm 2020: phê duyệt **89** biên chế và **12** chỉ tiêu hợp đồng đối với các hội.

3. Đối với biên chế sự nghiệp năm 2020: phê duyệt **12.464** biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật; kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi Trung ương phê duyệt tổng biên chế sự nghiệp năm 2020 đối với tỉnh Ninh Thuận.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa X kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thanh

Phụ lục
GIAO CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, HỢP ĐỒNG
ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH THUỘC TỈNH NĂM 2020
(kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Biên chế, hợp đồng được giao năm 2019		Tăng/giảm chỉ tiêu biên chế, hợp đồng năm 2020		Biên chế, hợp đồng được giao năm 2020		Ghi chú
		Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	Chỉ tiêu biên chế	Chỉ tiêu hợp đồng	
	TỔNG CỘNG	1.711	12	-37	0	1.674	12	
	I CẤP TỈNH	1.116	12	-23	0	1.093	12	
1	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban chuyên trách	10	0			10	0	
2	Lãnh đạo UBND tỉnh	4	0			4	0	
3	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	18	0			18	0	
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	50	12	-1	0	49	12	
4.1	Cơ quan Văn phòng	47	12	-1		46	12	
4.2	Trung tâm Phục vụ Hành chính công (thực hiện khi Đề án được UBND tỉnh phê duyệt)	3	0			3	0	
5	Sở Nội vụ	53	0	-1	0	52	0	
5.1	Cơ quan Sở	39	0	-1		38	0	
5.2	Ban Tôn giáo	8	0			8	0	
5.3	Ban Thi đua - Khen thưởng (hợp nhất vào cơ quan Sở Nội vụ kể từ ngày 01/8/2018)	0	0			0	0	

5.4	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	6	0	0			6	0	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	274	0	-3	0	271	0		
6.1	Cơ quan Sở	50	0			50	0		
6.2	Chi cục Kiểm lâm	128	0	-2		126	0		
6.3	Chi cục Thủy lợi	13	0			13	0		
6.4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	14	0			14	0		
6.5	Chi cục Phát triển nông thôn	14	0			14	0		
6.6	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	15	0			15	0		
6.7	Chi cục Thủy sản	27	0	-1		26	0		
6.8	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	13	0			13	0		
7	Sở Tư pháp	30	0	-1		29	0		
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	48	0	-2		46	0		
9	Sở Tài chính	44	0	-2		42	0		
10	Sở Công Thương	34	0	-1	0	33	0		
10.1	Cơ quan Sở	34	0	-1		33	0		
10.2	Chi cục Quản lý thị trường (chuyên về Tổng cục Quản lý thị trường)	0	0			0	0		
11	Sở Giao thông vận tải	54	0	-1	0	53	0		
11.1	Cơ quan Sở	27	0			27	0		
11.2	Thanh tra giao thông vận tải	27	0	-1		26	0		
12	Sở Xây dựng	57	0	-2	0	55	0		
12.1	Cơ quan Sở	39	0	-1		38	0		
12.2	Thanh tra Sở Xây dựng	18	0	-1		17	0		
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	60	0	-2	0	58	0		
13.1	Cơ quan Sở	39	0	-1		38	0		
13.2	Chi cục Biên	8	0			8	0		
13.3	Chi cục Bảo vệ môi trường	13	0	-1		12	0		

14	Sở Thông tin và Truyền thông	22	0	-1		21	0
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	47	0			47	0
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	43	0			43	0
17	Sở Khoa học và Công nghệ	35	0	-2	0	33	0
17.1	Cơ quan Sở	23	0	-2		21	0
17.2	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	12	0			12	0
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	52	0			52	0
19	Sở Y tế	61	0	-2	0	59	0
19.1	Cơ quan Sở	35	0	-1		34	0
19.2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	12	0			12	0
19.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	14	0	-1		13	0
20	Ban Dân tộc	15	0			15	0
21	Thanh tra tỉnh	32	0			32	0
22	Ban Quản lý các khu công nghiệp	17	0	-1		16	0
23	Văn phòng Thường trực Ban An toàn giao thông	3	0			3	0
24	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Núi Chúa (trực thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa)	33	0	-1		32	0
25	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Phước Bình (trực thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình)	20	0			20	0
II	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	595	0	-14	0	581	0
1	UBND Huyện Bác Ái	82	0	-2		80	0
2	UBND Huyện Ninh Phước	88	0	-2		86	0
3	UBND Huyện Ninh Sơn	83	0	-2		81	0
4	UBND Huyện Thuận Bắc	82	0	-2		80	0
5	UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	89	0	-2		87	0
							Dự kiến điều 17 biên chế sang Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền sau khi có hướng dẫn của Trung ương

6	UBND Huyện Ninh Hải	88	0	-2		86	0	Dự kiến điều chỉnh 13 biên chế Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền sau khi có hướng dẫn của Trung ương
7	UBND Huyện Thuận Nam	83	0	-2		81	0	Dự kiến điều chỉnh 09 biên chế Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền sau khi có hướng dẫn của Trung ương
III	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	0	0			0	0	